

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~4478~~ /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 9 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500**  
**khu nhà ở tại phường Phước Long B, Quận 9**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Bộ Xây dựng về Quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND số ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;



Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 9;

Căn cứ Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Xóm Mới 2, phường Phước Long B, Quận 9;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2723/TTr-SQHKT ngày 19 tháng 8 năm 2014 về trình duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Quận 9,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tại phường Phước Long B, Quận 9 với các nội dung chính như sau:

### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:**

- Vị trí và ranh giới khu vực quy hoạch:
  - + Phía Đông : giáp rạch Đường Xuông.
  - + Phía Tây : giáp dự án Công ty TNHH Phát triển và xây dựng hạ tầng Long Phước Điền, dự án Công ty TNHH Vina Capital Phước Điền.
  - + Phía Nam : giáp sông Rạch Chiếc.
  - + Phía Bắc : giáp đất trống.
- Diện tích khu vực quy hoạch: 47.077 m<sup>2</sup>.

### **2. Đơn vị tổ chức lập đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:**

Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Phước Long.

### **3. Đơn vị tư vấn lập đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:**

Công ty cổ phần Bất động sản - Kiến trúc - Xây dựng Thái Bình Dương.

### **4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đề quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:**

- Thuyết minh tổng hợp;
- Thành phần bản vẽ bao gồm:
  - + Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2000;
  - + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500;
  - + Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/500, bao gồm:
    - Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;
    - Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;
    - Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng;
    - Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;

- Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn;
  - Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc ;
  - Bản đồ hiện trạng môi trường.
- + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500;
- + Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500;
- + Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/500;
- + Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500, bao gồm:

- Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt;
  - Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng;
  - Bản đồ quy hoạch cấp nước;
  - Bản đồ thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;
  - Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
  - Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.
- + Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược.

## 5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị khu vực quy hoạch:

5.1. Dự báo quy mô dân số: 770 người.

5.2. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Đất nhóm nhà ở</b>	<b>29.607,2</b>	<b>62,89</b>
1	Đất nhà ở thấp tầng	20.811,9	
	- Nhà ở Biệt thự	2.058,9	
	- Nhà ở liên kế có sân vườn	18.753	
2	Đất cây xanh	1.076,07	
3	Đất giao thông	7.719,23	
<b>II</b>	<b>Đất ngoài nhóm nhà ở</b>	<b>17.469,8</b>	<b>37,11</b>
	- Đất giáo dục	3.594,3	
	- Đất công viên cây xanh cấp đơn vị ở	878,6	
	- Đất cây xanh hành lang ven sông rạch	2.909	
	- Đất giao thông cấp đơn vị ở	10.087,9	
<b>Tổng cộng</b>		<b>47.077</b>	<b>100</b>

**5.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:**

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch</b>	m <sup>2</sup> /ng	<b>61,14</b>	
<b>B</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất nhóm nhà ở</b>	m <sup>2</sup> /ng	<b>38,45</b>	
	Đất nhà ở thấp tầng (nhà ở liên kế có sân vườn, biệt thự)	m <sup>2</sup> /ng	27,03	
	Đất cây xanh	m <sup>2</sup> /ng	1,39	
	Đất giao thông	m <sup>2</sup> /ng	10,03	
<b>C</b>	<b>Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị</b>			
	Tiêu chuẩn cấp nước	Lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn thoát nước	Lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn cấp điện	Kwh/người/năm	2.800	
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,3	
<b>D</b>	<b>Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu</b>			
	Mật độ xây dựng toàn khu	%	31,78	
	Hệ số sử dụng đất	lần	0,95	
	Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	03
		Tối thiểu	tầng	01

**6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:**

**6.1. Nhà ở các loại:**

+ **Nhà ở liên kế có sân vườn:** Gồm 215 lô, bố trí tại các khu đất có ký hiệu: A2 - A7; B2 - B29; B31 - B59, C2 - C64, D2 - D60, E2 - E31.

\* Diện tích khuôn viên một lô:  $75 \text{ m}^2 \div 190,92 \text{ m}^2$ .

\* Mật độ xây dựng :  $52\% \div 75\%$ .

\* Tầng cao:  $\leq 03$  tầng (theo TCVN 03/2012/BXD).

\* Khoảng lùi công trình:

- Sân trước :  $\geq 3\text{m}$ .
- Sân sau :  $\geq 2 \text{ m}$ .
- Các căn góc lùi  $\geq 3\text{m}$  so với ranh quy hoạch lộ giới.

\* Chiều cao xây dựng công trình:  $\leq 15\text{m}$  (tính từ cốt lè đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).

+ **Nhà ở biệt thự:** Gồm 09 lô, bố trí tại khu đất có ký hiệu: A1, B1, B30, B60, C1, C65, D1, D61, E1.

\* Diện tích khuôn viên một lô:  $193,45 \text{ m}^2 \div 313,72 \text{ m}^2$ .

\* Mật độ xây dựng :  $\leq 50\%$ .

\* Tầng cao:  $\leq 03$  tầng (không kể tầng mái che cầu thang, tầng mái và tầng hầm - theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ).

\* Khoảng lùi công trình:

- Sân trước :  $\geq 3m$ .
- Các ranh đất còn lại:  $\geq 2m$ .

\* Chiều cao xây dựng công trình:  $\leq 16m$  (tính từ cốt lè đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).

**6.2. Các khu cây xanh công viên, vườn hoa nhóm nhà ở:** Bố trí tại khu đất có ký hiệu CV1, CV2, với tổng diện tích 1.076,07 m<sup>2</sup>.

**6.3. Công trình công cộng (trường Trung học cơ sở):** Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc sẽ được xác định cụ thể khi triển khai dự án theo quy mô trường Trung học cơ sở trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Xóm Mới 2, phường Phước Long B, Quận 9 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3726/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013.

### 7. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường khu vực, bao gồm:

#### 7.1 Quy hoạch giao thông đô thị:

- Giao thông đường bộ:

S T T	Tên đường	Từ	Đến	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)			Khoảng lùi (chỉ giới xây dựng)	
					Via hệ trái	Mặt đường	Via hệ phải	Lề trái (m)	Lề phải (m)
1	Đường D1	Ranh đất hướng Tây	Ranh đất hướng Bắc	16	4	8	4	3	-
2	Đường D2	Đường N1	Ranh đất hướng Bắc	12	3	6	3	6	3
3	Đường D3	Đường N1	Ranh đất hướng Bắc	12	3	6	3	-	6
4	Đường N1	Ranh đất hướng Tây	Đường D1	12	3	6	3	3	3
5	Đường N2	Khu CV2	Đường D1	12	3	6	3	3	3
6	Đường N3	Ranh đất hướng Tây	Đường D1	12	3	6	3	3	3

7	<b>Đường N4</b>	Ranh đất hướng Tây	Đường D1	12	3	6	3	3	3
8	<b>Đường đi bộ</b>			4		4			

- Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Phước Long và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu trong đồ án này.

## **7.2 Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị:**

### **a) Quy hoạch cao độ nền:**

- Cao độ xây dựng toàn khu vực  $H_{xd} \geq 2,50m$  (hệ VN2000).
- Áp dụng giải pháp san lấp toàn bộ và hoàn thiện mặt phủ đến cao độ thiết kế khi xây dựng công trình trong khu vực.
- Độ dốc nền thiết kế  $i \geq 0,4\%$  (khu công trình công cộng, khu ở),  $i \geq 0,3\%$  (khu công viên cây xanh).
- Cao độ thiết kế tại các điểm giao cắt đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất, đồng thời phù hợp với khu vực xung quanh.
- Hướng đổ dốc: hướng dốc từ giữa các tiểu khu ra chung quanh.

### **b) Quy hoạch thoát nước mặt:**

- Sử dụng hệ thống cống ngầm bê tông cốt thép để tổ chức thoát nước mưa.
- Nguồn thoát nước: tập trung theo các tuyến cống chính, đổ về các kênh rạch ở phía Đông khu đất quy hoạch.
- Cống thoát nước mưa quy hoạch đặt ngầm, bố trí dọc theo vỉa hè các trục đường giao thông trong khu vực.
- Nổi cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m; độ dốc cống tối thiểu được lấy đảm bảo khả năng tự làm sạch cống  $i=1/D$ .

## **7.3 Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:**

- Nguồn điện: được cấp từ trạm 110/15-22KV Thủ Đức.
- Chỉ tiêu cấp điện:  $3 \div 5$  KW/căn hộ.
- Xây dựng mới 1 trạm biến áp 15-22/0,4KV, kiểu trạm phòng, công suất đơn vị  $\geq 400KVA$ .
- Mạng lưới cấp điện:
  - Xây dựng mới mạng trung hạ thế, sử dụng cáp đồng bọc cách điện, định hướng xây dựng ngầm.
  - Hệ thống chiếu sáng các trục đường, dùng đèn cao áp sodium, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

## **7.4 Quy hoạch cấp nước đô thị:**

- Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn cấp nước máy thành phố dựa vào tuyến ống cấp nước quy hoạch Ø100 từ nhà máy nước Thủ Đức.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 (lít/người/ngày).
- Tổng nhu cầu dùng nước:  $236 \div 283 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .
- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch mạng bố trí mới các trụ lấy nước chữa cháy tại ngã 3, ngã 4 đường với khoảng cách giữa các trụ chữa cháy là 150m.
- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng mạng lưới cấp nước có đường kính  $\text{Ø}100$  trên các trục đường chính quy hoạch tạo thành mạch vòng, mạch nhánh cung cấp nước đến từng khu vực sử dụng.

## **7.5 Quy hoạch thoát nước thải và rác thải:**

### **a. Thoát nước thải:**

- Giải pháp thoát nước thải:
  - Giai đoạn ngắn hạn: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, nước thải được thu gom đưa về trạm xử lý nước thải đặt trong khu vực quy hoạch có công suất  $Q = 210 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT.
  - Giai đoạn dài hạn: Nước thải nước đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung cạnh rạch Ông Nhiêu, Quận 9.
- Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: 180 (lít/người/ngày).
- Tổng lượng nước thải:  $174 \div 209 \text{ (m}^3/\text{ngày)}$ .
- Mạng lưới thoát nước: Hệ thống thoát nước thải trong khu vực có đường kính  $\text{P}300\text{mm}$  dẫn về trạm xử lý nước thải cục bộ trong khu quy hoạch.

\* Lưu ý: Việc đặt trạm xử lý nước thải trong hành lang bảo vệ sông Kênh rạch cần tuân thủ theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **b. Xử lý chất thải rắn:**

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,3 (kg/người/ngày).
- Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 1,0 (tấn/ngày).
- Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn thải được thu gom, phân loại và đưa đến trạm ép kín, sau đó vận chuyển về các khu liên hợp xử lý chất thải rắn của Thành phố theo quy hoạch.

## **7.6 Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:**

- Chỉ tiêu điện thoại cố định: 1 thuê bao/căn.
- Định hướng đầu nối từ Đài điện thoại hiện hữu (Trạm điện thoại Phước Bình) xây dựng tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của khu quy hoạch.
- Mạng lưới Thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong khu quy hoạch.
- Hệ thống các tủ cáp xây dựng mới được lắp đặt tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành, sửa chữa.

### **7.7 Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Bố trí diện tích cây xanh nhằm bảo vệ môi trường không khí và tiếng ồn, cụ thể: Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh đạt QCVN 05:2009/BTNMT, tiêu chuẩn tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý là 100% .

- Nước thải được xử lý qua bể tự hoại và trạm xử lý nước thải cục bộ đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường tự nhiên. Giai đoạn dài hạn nước thải được đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của Thành phố cạnh rạch Ông Nhiêu và nước thải được xử lý đạt TCVN 7222-2002.

- Lồng ghép trong quy hoạch các giải pháp nhằm thích nghi, giảm thiểu tác động do biến đổi khí hậu, không gây ngập úng trong khu vực quy hoạch. Lưu ý việc san lấp nền và cấp, thoát nước phải tính đến yếu tố thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **7.8 Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống**

Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

### **8. Các nội dung phải lưu ý:**

- Về kiến trúc - cảnh quan: Các công trình thiết kế cần hài hòa với không gian, kiến trúc cảnh quan xung quanh và đảm bảo kết nối về hạ tầng kỹ thuật với các khu đất lân cận.

- Về phòng cháy chữa cháy và môi trường: Phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định và theo các yêu cầu, hướng dẫn của Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy và Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trường hợp ranh giới và quy mô diện tích đất được giao có thay đổi so với diện tích của đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, Chủ đầu tư cần lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết trình cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt lại theo quy định.

### **Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Phước Long và đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tại phường Phước Long B, Quận 9.

- Trong quá trình tổ chức triển khai đầu tư xây dựng dự án chủ đầu tư và các đơn vị, cá nhân có liên quan phải tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và trình cơ quan thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công viên cây xanh, cây xanh hành lang bảo vệ bờ sông để triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ cho toàn khu vực quy hoạch, đảm bảo sự kết nối đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và các yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành.



- Công tác cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt này cần thực hiện theo Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong quá trình tổ chức định vị, xác định cột mốc tại hiện trường, nếu có sai lệch vị trí điểm nối kết hệ thống giao thông của đồ án được duyệt này với các dự án đầu tư xây dựng kế cận hoặc sai lệch hướng tuyến theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được duyệt tại khu vực, chủ đầu tư cần báo cáo Ủy ban nhân dân Quận 9 phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc để hướng dẫn xử lý và điều chỉnh đồ án cho phù hợp trước khi triển khai thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phải đảm bảo sự kết nối đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực và các yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

**Điều 3.** Quyết định này có đính kèm các bản vẽ, thuyết minh đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tại phường Phước Long B, Quận 9 được nêu tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phước Long B Quận 9, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Phước Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-MTu) D.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín